

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 09-11-2018

Về “*Tranh chấp chia tài sản chung
của vợ chồng sau khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn S**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn M**

2. Ông **Đông Văn H**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Hồ Thị B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị D** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2012/TLST-DS ngày 07/11/2012, về “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 24/9/2018, giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoa V**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 1, ấp Cây Diệp, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Kim, sinh năm 1938. Địa chỉ: Đội 1, ấp Cây Diệp, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn B M, xã B S, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt)

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông V, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Đồng Văn Tr, sinh năm 1984(Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước.
3. Bà Lê Thị L, sinh năm 1943(Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 3, xã B Lợi, huyện B Chánh, thành phố Hồ Chí M.
4. Bà Dương Thị Ngọc C, sinh năm 1982(Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước.
5. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1970(Vắng mặt)
Địa chỉ: Phường Tân B, thị xã Đồng Xoài, tỉnh B Phước.
6. Anh Nguyễn M H, sinh năm 1984. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B M, xã B S, huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước.

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn kiện bổ sung, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoa V và đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc Kim trình bày:

Chị Nguyễn Thị Hoa V và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn, chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng kBkết hôn tại UBND xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên năm 2007 chị V và anh Đ đã ly hôn theo Bản án số 17/2007/ST-HNGĐ ngày 19/9/2007 của TAND huyện Đồng Phú và Bản án số 10/2008/HNGĐ-PT ngày 10/3/2008 của TAND tỉnh B Phước.

Chị Nguyễn Thị Hoa V không đồng Bvới phán quyết của bản án phúc thẩm của TAND tỉnh B Phước về phân chia tài sản chung, nên đã làm đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với phần chia tài sản chung.

Tại Bản án giám đốc thẩm số: 501/2011/DS-GĐT ngày 29/6/2011, Tòa Dân sự TAND tối cao đã tuyên hủy Bản án số 10/2008/HNGĐ-PT ngày 10/3/2008 của TAND tỉnh B Phước về phần chia tài sản chung.

Nay chị Nguyễn Thị Hoa V yêu cầu chia tài sản như sau: Trong quá trình chung sống vợ chồng có số tài sản chung, gồm:

- Diện tích đất 40.054m² (trong đó có 400m² đất ở nông thôn và 39.654m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước, đã được cấp Giấy CNQSD đất số 00006/1032/QĐ-UB ngày 05/10/2000 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ. Nguồn gốc do vợ chồng mua của ông Nguyễn Công Hoa, bà Phạm Thị Hoa vào năm 1995 và mua của ông Nguyễn Ngọc Hùng vào năm 1998. Tài sản trên đất thời điểm năm 2008 có cây cà phê 8 năm tuổi và điều từ 5-6 năm tuổi và 01 căn nhà tạm diện tích 65m².

- Hạt cà phê khô 500kg thu hoạch còn lại vào năm 2006.

Đối với các tài sản trên, bà V yêu cầu chia đôi. Do năm 2008 ông Đ đã nhận nhiều hơn thì nay bà V yêu cầu Tòa án buộc ông Đ pH bồi hoàn lại số tiền chênh lệch cho bà V.

Đối với yêu cầu trước đây của nguyên đơn về việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe mô tô DRIN, 01 xe mô tô hiệu DD và 01 máy tưới DD22, cuộn dây tưới, các vật dụng khác, sản lượng điều và cà phê từ năm 2006 đến nay thì tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu về giải quyết về nợ chung theo đơn khởi kiện, sau khi có bản phúc thẩm thì nguyên đơn và bị đơn đã thanh toán xong, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống và ly hôn anh Đ thừa nhận như chi V trình bày.

Về tài sản ông Nguyễn Văn Đ có Bkiến như sau:

Đối với các tài sản là quyền sử dụng đất 40.054m² (trong đó có 400m² đất ở nông thôn và 39.654m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thời điểm năm 2008 có cây cà phê 8 năm tuổi và điều từ 5-6 năm tuổi và 01 căn nhà tạm diện tích 65m², Hạt cà phê khô 500kg thu hoạch còn lại vào năm 2006 mà bà V yêu cầu chia thì ông Đ thừa nhận đó là tài sản chung của hai vợ chồng. Tuy nhiên, nguồn gốc được hình thành do tiền của ông Đ có trước khi lấy bà V. Do đó, ông Đ đồng Bvớí bản án phúc thẩm năm 2008 của TAND tỉnh B Phước về chia tài sản (công sức tạo dựng của riêng ông Đ là 30%, còn lại là tài sản chung của hai vợ chồng chia đôi). Do đó, bà V đã được chia 7.940m² đất cùng các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là phù hợp. Đồng thời, hiện nay các tài sản được chia thì ông Đ đã bán để trả nợ và tiêu xài hết. Nên nếu có chia lại thì ông Đ cũng không còn tiền để hoàn trả cho bà V. Do đó, ông Đ không đồng Bvớí yêu cầu của bà V.

Đối với các khoản nợ theo bản án buộc ông Đ trả thì năm 2008 ông Đ đã thanh toán hết nên không còn nợ ai, không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra, ông Đ không yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị L trình bày:*

Năm 2008, bà Lê Thị L nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Đ mảnh đất diện tích 19.956m², tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước. Thời điểm trên, đất đã được Tòa án giao cho ông Đ. Sau khi nhận chuyển

nhượng thì bà Lê Thị L đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy CNQSD đất và bà L đã trồng cao su từ năm 2008. Hiện nay, bà L giao cho con dâu là Dương Thị Ngọc C quản lý và khai thác mỏ. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất là của bà L.

Đối với nội D vụ án, bà L không có Bkiến hay yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Tống Công Btrình bày:*

Năm 2009, ông Tống Công Bnhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Hoa V mảnh đất diện tích 4.940m², tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước. Sau khi nhận chuyển nhượng thì năm 2009, ông Tống Công Bđã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy CNQSD đất và Bđã trồng cây Bưởi từ năm 2009 đến nay. Đối với nội D vụ án, ông Tống Công Bkhông có Bkiến hay yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ngoài ra, ông Tống Công Bkhông yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Năm 2010, bà Nguyễn Thị A nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Đ mảnh đất diện tích 15.158m², (trước đây theo bản án của Tòa án là 2 thửa: 12.158m² và 3.000m², nhưng do đất liền kề, nên đã nhập thửa lại thành 1 thửa) tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Nguyễn Thị A đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy CNQSD đất và bà Anh đã trồng cao su. Đến năm 2016, bà Nguyễn Thị A đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Đồng Văn Tr.

Đối với nội D vụ án, bà Nguyễn Thị A không có Bkiến hay yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị A không yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đồng Văn Tr trình bày:*

Năm 2016, ông Đồng Văn Tr nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị A mảnh đất diện tích 15.158m², trong đó có 400m² đất ở nông thôn và 14.758m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước. Hiện nay, ông Đồng Văn Tr đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy CNQSD đất. Đối với nội D vụ án, ông Đồng Văn Tr không có Bkiến hay yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ngoài ra, ông Đồng Văn Tr không yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn M H trình bày:*

Anh Nguyễn M H là con riêng của ông Nguyễn Văn Đâm, từ trước đến nay thì anh H vẫn cư trú cùng ông Nguyễn Văn Đ. Đối với nội D vụ án, anh Nguyễn M H không có Bkiến hay yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ngoài ra, anh Nguyễn M H không yêu cầu gì thêm.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị Ngọc C trình bày:*

Chị Dương Thị Ngọc C là con dâu của bà Lê Thị L. Từ năm 2008 đến nay chị C được bà L giao quản lý, canh tác mảnh đất diện tích 19.956m², tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước. Tuy nhiên, tài sản trên vẫn là của bà L.

Đối với nội D vụ án, chị C không có Bkiến hay yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Ngoài ra, chị Dương Thị Ngọc C không yêu cầu gì thêm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú phát biểu:* Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cơ bản là đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên thời hạn thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đảm bảo đúng thời gian quy định; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú phát biểu quan điểm:

Các đương sự đều thừa nhận quyền sử dụng đất 40.054m², tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2008 (gồm có cây cà phê, điều và 01 căn nhà tạm diện tích 65m²) và 500kg hạt cà phê khô thu hoạch còn lại vào năm 2006 là tài sản chung. Do đó, yêu cầu chia tài sản trên của bà V là có căn cứ. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn Đ có công sức tạo dựng tài sản lớn hơn, nên đề nghị chia cho ông Đ phần nhiều hơn bà V. Do các tài sản trên đương sự đã chuyển nhượng lại cho người khác, việc chuyển nhượng là hợp pháp, nên đề nghị tuyên buộc ông Đ bồi hoàn lại số tiền chênh lệch cho bà V.

Đối với các vấn đề chị V khởi kiện nhưng nay đã rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết.

Đối với yêu cầu về giải quyết về nợ chung theo đơn khởi kiện, sau khi có bản phúc thẩm thì nguyên đơn và bị đơn đã thanh toán xong, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Bkiến của Kiểm sát viên và đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*”, do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoa V thực hiện quyền khởi kiện.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị L, V, Đồng Văn Tr, Dương Thị Ngọc C, Nguyễn Thị A, Nguyễn M H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt lần thứ hai, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội D:*

[1] Đối với việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoa V yêu cầu chia các tài sản là quyền sử dụng đất 40.054m², tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2008 (gồm có cây cà phê, cây điều và 01 căn nhà tạm diện tích 65m²) và 500kg hạt cà phê khô thu hoạch còn lại vào năm 2006. Xét thấy, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hoa V đều thừa nhận đây là tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của chị Nguyễn Thị Hoa V và anh Nguyễn Văn Đ để chia theo quy định.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa V yêu cầu được chia đôi giá trị tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, xét lời trình bày của các đương sự đều thừa nhận, trước đây ông Nguyễn Văn Đ có tài sản riêng tại tỉnh Đồng Nai từ năm 1985, đến năm 1988 ông Đ mới kết hôn với bà V. Khi lên tỉnh B Phước (trước đây là tỉnh Sông Bé) lập nghiệp thì ông Đ đã bán các tài sản trên để lấy tiền sang nhượng đất tại khu vực ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng để canh tác. Đến các năm 1995, 1998 mới chuyển nhượng lại mảnh đất tại ấp Suối Nhung cho người khác để nhận chuyển nhượng lại từ các ông (bà) Nguyễn Công Hoa và Nguyễn Ngọc Hùng mảnh đất diện tích 40.054m² nêu trên. Đến năm 2000, mảnh đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ. Do đó, khi chia tài sản cần tính công sức tạo dựng tài sản của ông Nguyễn Văn Đ lớn hơn bà Nguyễn Thị Hoa V và chia theo tỷ lệ: Ông Đ được chia 60% tổng giá trị tài sản và bà V được chia 40% tổng giá trị tài sản chung là phù hợp.

Do quyền sử dụng đất diện tích 40.054m², tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2008 (gồm có: 1.722 cây cà phê 12 năm tuổi, 86 cây điều 5 năm tuổi, 41 cây điều 1 năm tuổi và 01 căn nhà tạm diện tích 65m²) và 500kg hạt cà phê khô, năm 2008 hai vợ chồng ly hôn được chia tài sản thì ông Đ, bà V đã chuyển nhượng, bán lại cho bà Lê Thị L, ông Tống Công B và ông Đồng Văn Tr. Việc chuyển nhượng nêu trên là ngay tình, đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần chia tài sản chung bằng giá trị và buộc bên trước đây được chia nhiều hơn pH hoàn lại cho bên được chia ít hơn bằng tiền, tính theo giá trị tài sản hiện nay là phù hợp.

[2] Về chia tài sản chung:

Xét thấy, theo Bản án số 10/2008/HNGĐ-PT ngày 10/3/2008 của TAND tỉnh B Phước, thì:

Ông Nguyễn Văn Đ được chia thừa đất có diện tích 12.158m² và thừa đất diện tích 19.956m². Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm 1.435 cây cà phê 12 năm tuổi, 86 cây điều 5 năm tuổi và 41 cây điều 1 năm tuổi; 500kg cà phê khô. Theo kết quả định giá hiện nay có giá trị là:

+ Thừa đất diện tích 19.956m² có trị giá: 1.596.480.000 đồng.

+ Thừa đất diện tích 12.158m² (gồm 300m² đất ở và 14.858m² đất nông nghiệp) có trị giá: 1.016.056.000 đồng.

- + 1.435 cây cà phê 12 năm tuổi có trị giá: 315.700.000 đồng.
- + 86 cây điều 5 năm tuổi có trị giá: 25.026.000 đồng.
- + 41 cây điều 1 năm tuổi có trị giá: 3.690.000 đồng.
- + 500kg hạt cà phê khô có trị giá: 17.500.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà ông Đ được chia tính theo giá trị hiện nay là: 2.974.452.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hoa V được chia diện tích 4.940m² và thừa đất diện tích 3.000m². Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất gồm 287 cây cà phê 12 năm tuổi, 01 căn nhà tạm diện tích 65m². Theo kết quả định giá hiện nay có tổng giá trị là:

- + Thừa đất diện tích 4.940m² có trị giá: 395.200.000 đồng.
- + Thừa đất diện tích 3.000m² (gồm 100m² đất ở và 2.900m² đất nông nghiệp) có trị giá: 254.472.000 đồng.
- + 287 cây cà phê 12 năm tuổi có trị giá: 63.140.000 đồng.
- + 01 căn nhà tạm diện tích 65m² có trị giá: 28.600.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà bà V được chia tính theo giá trị hiện nay là: 741.412.000 đồng.

Đối với diện tích đất tăng thêm sau khi đo đạc, cấp lại Giấy CNQSD đất cho bà Nguyễn Thị A, sau đó bà Anh chuyển nhượng lại cho ông Đồng Văn Tr theo Giấy CNQSD đất số CC 879760, số vào sổ: (CS) 00620/Tân Hưng do UBND huyện Đồng Phú cấp ngày 22/9/2016, do nay chia lại tài sản chung theo giá trị, bà V và ông Đ không được hưởng diện tích tăng thêm này, đồng thời các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, tổng trị giá tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hoa V là: 2.974.452.000 đồng + 741.412.000 đồng = 3.715.864.000 đồng.

Nay cần chia lại giá trị như sau:

Giá trị tài sản mà bà Nguyễn Thị Hoa V được chia là: 3.715.864.000 đồng x 40% = 1.486.345.600 đồng.

Giá trị tài sản mà ông Nguyễn Văn Đ được chia là: 3.715.864.000 đồng x 60% = 2.229.518.400 đồng.

Do trước đây giá trị phần tài sản ông Nguyễn Văn Đ được chia nhiều hơn so với tỷ lệ chia nêu trên, nên ông Đ pH hoàn trả lại tiền chênh lệch cho bà V là: 2.974.452.000 đồng - 2.229.518.400 đồng = 744.933.600 đồng. Khấu trừ số tiền chênh lệch trước đây ông Đ đã trả cho bà V là 43.792.000 đồng. Số tiền còn lại ông Đ pH hoàn trả cho bà V là: 744.933.600 đồng - 43.792.000 đồng = 701.141.600 đồng.

[3] Đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Hoa V với các ông (bà) Lê Thị L, Nguyễn Thị A, Tổng Công Bvà giữa bà Nguyễn Thị A với ông Đồng Văn Tr do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[4] Đối với các vấn đề trước đây bà V khởi kiện: Yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe mô tô DRIN, 01 xe mô tô hiệu DD và 01 máy tưới DD22, cuộn dây tưới, các vật dụng khác và sản lượng điều, cà phê từ năm 2006 đến nay thì tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trên của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu về giải quyết về nợ chung theo đơn khởi kiện, sau khi có bản phúc thẩm thì nguyên đơn và bị đơn đã thanh toán xong, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Lê Thị L, V, Đồng Văn Tr, Dương Thị Ngọc C, Nguyễn Thị A, Nguyễn M H: Không có yêu cầu trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về chi phí tố tụng:*

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng. Đây là chi phí thu thập chứng cứ, nên bà Nguyễn Thị Hoa V và ông Nguyễn Văn Đ mỗi người pH chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Do bà V đã nộp và thanh toán đầy đủ, nên buộc ông Đ pH hoàn trả lại cho bà V 1.000.000 đồng

[7] *Về Bkiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú* tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa V và bị đơn ông Nguyễn Văn Đ pH chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Hoa V pH chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia (1.486.345.600 đồng) là 56.590.368 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Đ pH chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia (2.229.518.400 đồng) là 76.590.368 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 27, 95, 97 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 131 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004;

Tuyên Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa V.

1. Chia lại tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hoa V là quyền sử dụng đất diện tích 40.054m² (trong đó có 400m² đất ở nông thôn và 39.654m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm), tọa lạc tại ấp Suối Da, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2008 (gồm có: 1.721 cây cà phê 12 năm tuổi, 86 cây điều 5 năm tuổi, 41 cây điều 1 năm tuổi và 01 căn nhà tạm diện tích 65m²) và 500kg hạt cà phê khô. Tổng trị giá tài sản chung là: 3.715.644.000 đồng.

Chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hoa V bằng giá trị, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Hoa V được chia số tiền: 1.486.345.600 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ được chia số tiền: 2.229.518.400 đồng.

Do trước đây giá trị phân tài sản ông Nguyễn Văn Đ được chia nhiều hơn so với tỷ lệ chia nêu trên, nên ông Đ pH hoàn trả lại tiền chênh lệch cho bà V là: 2.974.452.000 đồng - 2.229.518.400 đồng = 744.933.600 đồng. Khấu trừ số tiền chênh lệch trước đây ông Đ đã trả cho bà V là 43.792.000 đồng. **Số tiền còn lại ông Đ pH hoàn trả cho bà V là: 701.141.600 đồng (Bảy trăm linh một triệu một trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm đồng).**

2. Các vấn đề khác:

Không xem xét đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Hoa V với các ông (bà) Lê Thị L, Nguyễn Thị A, Tổng Công Bvà giữa bà Nguyễn Thị A với ông Đồng Văn Tr do các đương sự không yêu cầu.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị L, V, Đồng Văn Tr, Dương Thị Ngọc C, Nguyễn Thị A, Nguyễn M H không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là 01 xe mô tô DRIN, 01 xe mô tô hiệu DD và 01 máy tưới DD22, cuộn dây tưới, các vật dụng khác và sản lượng điều, cà phê từ năm 2006 đến nay do nguyên đơn Nguyễn Thị Hoa V xin rút yêu cầu.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hoa V và ông Nguyễn Văn Đ mỗi người pH chịu ½ số tiền trên. Do bà V đã nộp và thanh toán đầy đủ, nên buộc ông Đ pH hoàn trả lại cho bà V 1.000.000 đồng

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hoa V pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 56.590.368 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí V đã nộp là 5.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số 001922, quyền số 0039, ngày 07/11/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh B Phước. Số tiền án phí còn lại bà Nguyễn Thị Hoa V pH nộp là 51.590.368 đồng.

Ông Nguyễn Văn Đ pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.590.368 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền pH thi hành, bên pH thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền pH trả còn pH chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà Nguyễn Thị Hoa V biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- ↗ TAND tỉnh B Phước;
- ↗ VKSND huyện Đồng Phú;
- ↗ THADS huyện Đồng Phú;
- ↗ Các đương sự.
- ↗ Lưu;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn S

